

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
T PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/HS-ST
Ngày 25-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T PHỐ H

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lương.

Bà Bùi Thúy Mở.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, T phố H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, T phố H tham gia phiên tòa:*
Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, T phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2019/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2020/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 1986, tại H; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn S, xã A, huyện T, T phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang K, sinh năm 1957 và bà Lý Thị V, sinh năm 1959; vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/9/2020; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Anh Quàng Văn T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Bản Ten Đội 4A, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn S, xã A, huyện T, T phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/7/2020 công an xã A nhận được đơn trình báo của anh Quàng Văn T về việc anh T bị kẻ gian lợi dụng sơ hở chiếm đoạt chiếc xe đạp điện màu xanh mang biển kiểm soát 15MĐ1-370.76 để ở nhà trọ M thuộc thôn S, xã A, huyện T, T phố H. Chiếc xe trên anh mượn của ông Trần Văn T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn S, xã A, huyện T, T phố H đến đi lại. Sau khi nhận được đơn trình báo của anh T, công an xã A đã tiến hành xác minh, trích xuất camera an ninh khu vực xung quang nhà trọ M xác định Trần Văn H là người đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Quàng Văn T.

Công an xã A đã báo cáo và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T để tiến hành điều tra theo thẩm quyền. Tại cơ quan điều tra, Trần Văn H khai: Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 28/7/2020 khi Trần Văn H đi qua khu nhà trọ M ở thôn S, xã A, huyện T, T phố H phát hiện 01 chiếc xe đạp điện đang dựng ở cuối dãy nhà trọ, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. Do không có tiền ăn tiêu và trả nợ nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe đạp điện trên để mang bán lấy tiền. Quan sát thấy cổng nhà trọ không khóa, không có người trông coi, H đi đến vị trí dựng xe rồi dắt xe ra ngoài cổng, H dùng tay mở khóa điện rồi điều khiển xe đạp điện về nhà cất giấu. Đến ngày 29/7/2020, biết hành vi trộm cắp chiếc xe đạp điện bị bại lộ, Trần Văn H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe đạp điện trên cho cơ quan công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 59 ngày 10/8/2020 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe máy điện, màu sơn xanh nhãn hiệu TH BIKE, biển kiểm soát MĐ1-37076 Trần Văn H chiếm đoạt của anh T trị giá 2.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 121/CT-VKS ngày 27/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố Trần Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn H khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Quàng Văn T và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T đều vắng mặt tại phiên tòa, song đã có lời khai tại cơ quan điều tra thống nhất

trình bày: Chiếc xe đạp điện màu sơn xanh mang biển kiểm soát 15MĐ1 – 370.76, ông Trần Văn T mua năm 2017 với giá 11.000.000 đồng. Trưa ngày 28/7/2020 ông T cho anh T mượn xe để đi lại. Hiện tại ông T đã được cơ quan Công an trả lại chiếc xe trên, ông T, anh T không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh T có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố Trần Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị, Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách tương ứng; giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về án phí: Bị cáo Trần Văn H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Bản kết luận định giá tài sản số 59, ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, ngày 28/7/2020 Trần Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe đạp điện màu sơn xanh mang biển kiểm soát 15MĐ1 – 370.76 của anh Quảng Văn T tại khu vực nhà trọ M thuộc thôn S, xã A, huyện T, T phó H được ông Trần Văn T cho mượn sử dụng. Trị giá tài sản chiếm đoạt đã được Hội đồng định giá tài sản xác định là 2.500.000 đồng. Với hành vi trên, bị cáo Trần Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 121/CT-VKSTN ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo như đã nêu trên là đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo.

[4] Xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhân thân bị cáo, tính chất vụ án và quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử, xét:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Quảng Văn T là chiếc xe đạp điện trị giá 2.500.000 đồng sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện trả lại tài sản cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là “ Phạm tội gây thiệt hại không lớn” và “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Quá trình giải quyết vụ án và tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa “bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Ngoài ra bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây xác định là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa tuy bị cáo T khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, giao bị cáo về gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Biên bản xác minh tài sản của cơ quan điều tra, xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, vợ chồng ly hôn một mình đi làm nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, song đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án

Chiếc xe máy điện, màu sơn xanh nhãn hiệu TH BIKE, biển kiểm soát MĐ1-37076, tài liệu điều tra xác định thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trần Văn T. Ông Trần Văn T cho anh T mượn xe máy điện trên để đi lại. Sau khi tiến hành các hoạt động điều tra cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe đạp điện trên cho anh T để trả lại cho ông T là đúng pháp luật.

[8] Về án phí

Bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử: Phạt bị cáo Trần Văn H 09 (Chín tháng) tù nhưng cho hưởng án treo án định thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng. Giao bị cáo Trần Văn H về Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, T phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hoặc niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp TP H;
- PV 27 công an TP H.
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị SỰ